

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2025
V/v “Ly hôn, T/c nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Xuân

Ông Nguyễn Văn Còn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Phúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số G, Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số G, Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Bà N và ông T tự quen biết, tìm hiểu và xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới, nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/9/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 người con chung tên Lê Ngọc Phương T1, sinh ngày 20/11/2018 và Lê Ngọc Phương T2, sinh ngày 18/12/2020. Đến năm 2023 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do ông T không còn tin tưởng vợ, thường xuyên ghen tuông vô cớ, ông T còn đến nơi làm việc của bà N để gây rối, làm mất danh dự của bà N. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng đã không còn, nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Bà N xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng đề tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác định vợ chồng có nợ chung, nhưng đề tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Thanh T trình bày: Ông T không đồng ý ly hôn với bà N. Ông T xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là có, phát sinh từ năm 2023, do ông ghen tuông việc bà N có quan hệ với người đàn ông khác, nhưng ông vẫn còn rất thương bà N. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc Phương T1, sinh ngày 20/11/2018 và Lê Ngọc Phương T2, sinh ngày 18/12/2020.

Về cấp dưỡng nuôi con: Để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T xác định có nợ chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày ý kiến bổ sung như sau:

Bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, giữ nguyên yêu cầu nuôi 02 con chung khi ly hôn.

Ông T không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét để hai bên đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Qua hòa giải, các bên không thỏa thuận được với nhau, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp về quan hệ hôn nhân giữa các bên, thấy rằng: Bà N và ông T cưới nhau năm 2017, nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/9/2018, nên quan hệ hôn nhân của bà N và ông T là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà N thấy rằng: Căn cứ các ý kiến trình bày của bà N, ông T có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định từ năm 2023, bà N, ông T đã có nhiều mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng, xuất phát từ việc không tin tưởng nhau, ông T ghen tuông vô cớ, làm ảnh hưởng đến công việc và mối quan hệ xã hội của bà N. Bà N xác định không còn tình cảm gì với ông T, không đồng ý đoàn tụ và cương quyết muốn ly hôn. Ông T nêu ý kiến là vẫn còn thương yêu bà N và không đồng ý ly hôn, nhưng không đưa ra được biện pháp nào để thuyết phục bà N đồng ý đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Điều đó, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chiếu theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T.

[2.3] Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn cả bà N và ông T đều có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Lê Ngọc Phương T1, sinh ngày 20/11/2018 và Lê Ngọc Phương T2, sinh ngày 18/12/2020 đều đang sống chung cùng bà N, ông T. Xét về thu nhập thì bà N và ông T đều có thu nhập đủ để nuôi con, nhưng căn nhà hiện bà N, ông T đang sinh sống cùng các con là của bên cha mẹ ruột bà N, nên về điều kiện trực tiếp nuôi con thì phía bà N có điều kiện thuận lợi hơn ông T. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T1, cháu T2 cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: Không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Lê Thanh T.
2. Về quyền nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Ngọc Phương T1, sinh ngày 20/11/2018 và Lê Ngọc Phương T2, sinh ngày 18/12/2020.
3. Ông Lê Thanh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T theo quy định của pháp luật. Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của ông T.

4. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của cháu T1, cháu T2 thì bà N, ông T3, người thân thích của cháu T1, cháu T2, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sung Ngân sách Nhà nước. Chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0016710 ngày 09/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ sang thi hành án phí, nên bà N không phải nộp tiếp.

6. Án xử sơ thẩm công khai, bà N, ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Đương sự;
- UBND xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; (để ghi chú ly hôn);
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Văn Khánh